|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN 33 Khối 5 (Từ ngày 2/5/2024 đến ngày 4/5/2024)** | | | | | | |
|  | | | | | | |
| **THỨ** | **TIẾT** | **MÔN** | **TIẾT THỨ** | **NỘI DUNG BÀI DẠY** | **UDCNTT** | **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** |
| Ba  30/4 | 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  | **NGHỈ LỄ 30/4** |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  |
| **7** |  |  |  |  |  |
| Tư  1/5 | 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  | **NGHỈ LỄ 1/5** |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| Năm  2/5 | 1 | Tập đọc | 65 | Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục về trẻ em | Trình chiếu | Máy tính |
| 2 | Toán | 161 | Một số dạng toán đặc đã học | Soi bài | Máy soi |
| 3 | Chính tả | 33 | Nghe viết: Trong lời mẹ hát |  |  |
| 4 | Mĩ thuật |  |  |  |  |
| 5 | Khoa học |  |  |  |  |
| 6 | NN |  |  |  |  |
| 7 | Thể dục | 65+66 | Môn thể thao tự chọn |  | Còi, sân tập |
| Sáu  3/5 | 1 | Âm nhạc |  |  |  |  |
| 2 | Toán | 162+163 | Luyện tập | Soi bài | Máy soi |
| 3 | TLV | 65 | Ôn tập về tả người |  | Bảng phụ |
| 4 | LTVC | 65 | Mở rộng vốn từ: Trẻ em | Trình chiếu | Máy tính |
| 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| Bảy  4/5 | 1 | Lịch sử |  |  |  |  |
| 2 | Toán | 164 | Luyện tập | Soi bài | Máy soi |
| 3 | Kĩ thuật |  |  |  |  |
| 4 | Kể chuyện | 33 | Kể chuyện đã nghe, đã đọc |  | Bảng phụ |
| 5 | LTVC | 66 | Ôn tập về dấu câu | Trình chiếu | Máy tính |
| 6 | Toán | 165 | Ôn tập về biểu đồ | Soi bài | Máy soi |
| 7 | Địa lí |  |  |  |  |

**TUẦN 33**

**Thứ Năm ngày 2 tháng 5 năm 2024**

***Sáng***

**Tiết 1: Tập đọc**

**LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức:**

**-** Hiểu nội dung 4 điều Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.(Trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**-** Biết đọc bài văn rõ ràng, rành mạch và phù hợp với giọng đọc một văn bản luật.

**-** Biết liên hệ những điều luật với thực tế để xác định những việc cần làm, thực hiện *Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.*

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Có ý thức và trách nhiệm chấp hành tốt luật pháp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Văn bản Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của nư­ớc Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Máy tính  
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)**  - Cho HS thi đọc đoạn bài ***Những cánh buồm*** – Trả lời câu hỏi SGK:  - Những câu hỏi ngây thơ cho thấy con có ước mơ gì ?  - Ước mơ của con gợi cho cha nhớ đến điều gì ?  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS thi đọc  - Con ước mơ được nhìn thấy nhà cửa, cây cối, con người ở phía chân trời xa. / Con khao khát hiểu biết mọi thứ trên đời. / Con ước mơ được khám phá những điều chưa biết về biển, những điều chưa biết trong cuộc sống.  - Ước mơ của con gợi cho cha nhớ đến ước mơ thuở nhỏ của mình.  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **2.1. Luyện đọc: (12phút)**  *\* Mục tiêu:* - Rèn đọc đúng từ , đọc đúng câu, đoạn.  - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới.  - Đọc đúng các từ khó trong bài  *\* Cách tiến hành:* | |
| - Yêu cầu 1 học sinh đọc toàn bài.  - GV yêu cầu từng nhóm 4 HS tiếp nối nhau đọc 4 điều luật (2 lượt).  + Lượt 1: GV kết hợp sửa lỗi cách đọc cho HS.  + Lượt 2: GV cho một HS đọc phần chú thích và giải nghĩa sau bài: *quyền, chăm sóc sức khỏe ban đầu, công lập, bản sắc,*…  - Giáo viên giúp học sinh giải nghĩa các từ khó hiểu.  - YC học sinh luyện đọc theo cặp.  - Mời 2 học sinh đọc toàn bài.  - Giáo viên hướng dẫn đọc và đọc diễn cảm bài văn.  - GV hướng dẫn cách đọc: giọng thông báo, rõ ràng; ngắt giọng làm rõ ràng từng điều điều luật, từng khoản mục; nhấn giọng ở tên của các điều luật, ở những thông tin cơ bản và quan trọng. | - 1 học sinh đọc toàn bài.  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc bài  - Một số học sinh đọc từng điều luật nối tiếp nhau đến hết bài.  - Luyện đọc từ khó: chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, sáu tuổi…  - Học sinh đọc phần chú giải từ trong SGK.  - HS luyện đọc.  -2 học sinh đọc toàn bài.  - Lắng nghe. |
| **2.2. Hoạt động tìm hiểu bài: (10 phút)**  *\* Mục tiêu:*Hiểu nội dung 4 điều Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.(Trả lời được các câu hỏi trong SGK).  *\* Cách tiến hành:* | |
| \*GV tổ chức cho học sinh đọc, trao đổi, thảo luận, tìm hiểu nội dung bài đọc dựa theo các câu hỏi trong SGK.  - Những điều luật nào trong bài nêu lên quyền của trẻ em Việt Nam?  - Tóm tắt mỗi điều nói trên bằng 1 câu?  - Hãy nêu những bổn phận của trẻ em được quy định trong luật. Tự liên hệ xem mình đã thực hiện đ­ược những bổn phận gì? | - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc bài và TLCH, chia sẻ kết quả  - Điều 10,11  + Điều 10: Trẻ em có quyền và bổn phận học tập.  Điều 11: Trẻ em có quyền vui chơi giải trí, hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch.  + Điều 21: bổn phận của trẻ em .  VD : Tôi đã biết nhặt rau , nấu cơm giúp mẹ. Ra đ­ường , tôi đã biết chào hỏi ng­ười lớn, giúp đỡ ngư­ời già và em nhỏ. Riêng bổn phận thứ 2 , tôi thực hiện chư­a tốt. Tôi ch­ưa chăm học nên điểm môn toán ch­ưa cao... |
| **3. Hoạt động luyện đọc diễn cảm:(8 phút)**  *\* Mục tiêu:*Biết đọc bài văn rõ ràng, rành mạch và phù hợp với giọng đọc một văn bản luật.  *\* Cách tiến hành:* | |
| - Gọi 4 HS đọc lại 4 điều luật. YC cả lớp tìm đúng giọng đọc.  - GV hướng dẫn học sinh luyện đọc các bổn phận 1; 2; 3 của điều luật 21.  - YC học sinh luyện đọc, thi đọc diễn cảm.  - GV đánh giá, bình chọn bạn đọc hay  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)**  - Tóm tắt những quyền và những bổn phận của trẻ em vừa học.  - GV nhận xét tiết học; nhắc nhở HS chú ý thực hiện tốt những quyền và bổn phận của trẻ em với gia đình và xã hội; về nhà đọc trước bài “*Sang năm con lên bảy*”. | - Đọc với giọng thông báo rõ ràng, ngắt giọng làm rõ từng điều luật, từng khoản mục của điều luật, nhấn giọng ở tên của điều luật, ở những thông tin cơ bản và quan trọng trong từng điều luật.  - HS luyện đọc diễn cảm  - HS thi đọc diễn cảm từng đoạn, cả bài.  - HS nêu  - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 2: Toán**

**MỘT SỐ DẠNG BÀI TOÁN ĐÃ HỌC**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

**-** Nắm được cách giải một số dạng toán đã học nhưtìm số trung bình cộng, tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Biết một số dạng toán đã học.

- Biết giải bài toán có liên quan đến tìm số trung bình cộng, tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.

- HS làm bài 1, bài 2.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy soi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)**  - Cho HS tổ chức trò chơi "Bắn tên" với nội dung là nêu một số dạng bài toán đã học.(Mỗi bạn nêu tên một dạng)  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi: Các dạng toán đã học là:  + Tìm số trung bình cộng.  + Tìm 2 số biết tổng và hiệu của 2 số đó.  + Tìm 2 số biết tổng và tỉ số của 2 số đó.  + Tìm 2 số biết hiệu và tỉ số của 2 số đó.  + Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.  + Bài toán về tỉ số phần trăm.  + Bài toán về chuyển động đều.  + Bài toán có nội dung hình học( chu vi, diện tích, thể tích).  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)**  **Bài 1: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc đề.  - Bài toán này thuộc dạng toán nào?  - Yêu cầu HS tự làm bài .  - GV soi bài nhận xét chữa bài  - Muốn tính tổng của nhiều số khi biết trung bình cộng ta làm thế nào?  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc đề.  - Bài toán này thuộc dạng nào?  - Yêu cầu HS tự làm bài.  - GV soi bài nhận xét chữa bài  **Bài tập chờ**  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - Cho HS đọc bài, tìm cách giải sau đó làm bài và báo cáo GV.  - GV quan sát, giúp đỡ nếu thấy cần thiết. | | - Cả lớp theo dõi, chia sẻ yêu cầu  - Tìm trung bình cộng của nhiều số.  - Cả lớp làm vở  - 1 HS làm bảng lớp,  Bài giải:  Giờ thứ ba xe đạp đi đ­ược quãng đường là:  ( 12 + 18 ) : 2 = 15 (km)  Trung bình mỗi giờ xe đạp đi được là:  (12 + 18 + 15 ) : 3 = 15 (km)  Đáp số: 15 km  - Lấy trung bình cộng của chúng nhân với số số hạng.  - Cả lớp theo dõi  - Bài toàn thuộc dạng “ Tìm 2 số khi biết tổng và hiệu của 2 số đó ”.  - Cả lớp làm vở  - 1 HS làm bảng lớp, chia sẻ cách làm  Bài giải  Nửa chu vi mảnh đất hình chữ nhật là:  120 : 2 = 60 (m)  Chiều dài mảnh đất hình chữ nhật là:  (60 + 10) : 2 = 35 (m)  Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là:  35 - 10 = 25 (m)  Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:  35 x 25 = 875 (m2)  Đáp số: 875 m2  - HS làm bài sau đó báo cáo giáo viên  **Cách 1:**  1cm3 kim loại cân nặng là:  22,4 : 3,2 = 7(g)  4,5cm3 kim loại cân nặng là:  7 x 4,5 = 31,5(g)  Đáp số: 31,5g  **Cách 2:**  Khối kim loại 4,5cm3 cân nặng là:  22,4 : 3,2 x 4,5 = 31,5(g)  Đáp số: 31,5g |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)**  - Cho HS vận dụng làm bài sau:  Một khối gỗ có thể tích 4,5dm3 cân nặng 5,4kg. Vậy một khối gỗ loại đó có thể tích 8,6dm3 cân nặng là:  A. 10,32kg B. 9,32kg  C. 103,3kg D. 93,2kg  - Về nhà luyện tập làm các dạng bài vừa ôn tập. | | - HS nêu:  A. 10,32kg  - HS nghe và thực hiện |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 3: Chính tả**

**TRONG LỜI MẸ HÁT (*Nghe – viết)***

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

**-** Nghe - viết đúng bài chính tả; trình bày đúng hình thức bài thơ 6 tiếng.

**-** Viết hoa đúng tên các cơ quan, tổ chức trong đoạn văn *Công ước về quyền trẻ em* (BT2).

**-** Giáo dục HS ý‎ thức viết đúng chính tả, giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, trung thực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy soi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** | |
| **1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)**  - Cho HS hát  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS mở vở, SGK | |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **2.1. Chuẩn bị viết chính tả:(7 phút)**  *\*Mục tiêu:*  - HS nắm được nội dung đoạn viết và biết cách viết các từ khó.  - HS có tâm thế tốt để viết bài.  *\*Cách tiến hành****:*** | | |
| - GV đọc bài một lư­ợt. Giọng đọc thong thả, rõ ràng.  + Nêu nội dung của bài ?  - GV cho HS tìm một số từ khó hay viết sai  - Luyện viết từ khó  - GV đọc, mỗi dòng thơ đọc 2 lư­ợt  - GV theo dõi tốc độ viết của HS để điều chỉnh tốc độ đọc của mình cho phù hợp. Uốn nắn, nhắc nhở tư­ thế ngồi của HS. | - HS lắng nghe  + Ca ngợi lời hát, lời ru của mẹ có ý nghĩa rất quan trọng đối với cuộc đời đứa trẻ.  + chòng chành, nôn nao, ngọt ngào, lời ru...  - 2 HS lên bảng viết từ khó, HS dư­ới lớp viết vào vở nháp  - HS viết bài | |
| **2.2. HĐ viết bài chính tả. *(15 phút)***  *\*Mục tiêu:*Nghe - viết đúng bài chính tả; trình bày đúng hình thức bài thơ 6 tiếng.  *\*Cách tiến hành:* | | |
| - GV đọc mẫu lần 1.  - GV đọc lần 2 (đọc chậm)  - GV đọc lần 3. | - HS theo dõi.  - HS viết theo lời đọc của GV.  - HS soát lỗi chính tả. | |
| **2.3. HĐ chấm và nhận xét bài *(3 phút)***  *\*Mục tiêu:* Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và phát hiện lỗi giúp bạn.  *\*Cách tiến hành:* | | |
| - GV chấm 7-10 bài.  - Soi bài - Nhận xét bài viết của HS. | - Thu bài chấm  - HS nghe | |
| **3. HĐ luyện tập, thực hành: *(8 phút)***  *\* Mục tiêu:* Viết hoa đúng tên các cơ quan, tổ chức trong đoạn văn *Công ước về quyền trẻ em* (BT2).  *\* Cách tiến hành:* | | |
| **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV tổ chức cho HS làm bài  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - GV cho HS đọc yêu cầu của bài  - Cho cả lớp làm bài vào vở  - GV nhận xét chữa bài. Yêu cầu HS nêu lại cách viết hoa tên các cơ quan, tổ chức. | | - HS đọc yêu cầu  - HS tự làm bài  - HS chia sẻ kết quả  Lời giải:  Uỷ ban/ Nhân quyền/ Liên hợp quốc.  Tổ chức/ Nhi đồng/ Liên hợp quốc  Tổ chức/ Lao động/ Quốc tế  Tổ chức/ Quốc tế/ về bảo vệ trẻ em  Liên minh/ Quốc tế/ Cứu trợ trẻ em  Tổ chức/ Ân xá/ Quốc tế  Tổ chức/ Cứu trợ trẻ em/ của Thuỵ Điển  Chú ý: ***về*** (dòng thứ 4), ***của*** (dòng thứ7) không viết hoa vì chúng là quan hệ từ.  - HS đọc, cả lớp theo dõi  - HS tự làm bài  - HS chia sẻ kết quả  Công ­ước về quyền trẻ em (Tổ chức Nhi đồng Liên hợp quốc; Tổ chức Quốc tế về bảo vệ trẻ em; Liên minh Quốc tế Cứu trợ trẻ em; Tổ chức Cứu trợ trẻ em của Thuỵ Điển... |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)**  - GV mời 1 HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ về cách viết hoa tên các cơ quan, tổ chức, đơn vị. | - HS nêu: *Tên các cơ quan, tổ chức, đơn vị được viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành tên đó*. | |
| - GV nhận xét tiết học.  - Yêu cầu những HS viết sai chính tả về nhà làm lại vào vở  - Dặn HS ghi nhớ tên các cơ quan, tổ chức trong đoạn văn *Công ước về quyền trẻ em*; chú ý học thuộc bài thơ “*Sang năm con lên bảy”* | - HS nghe  - HS nghe và thực hiện  - HS nghe và thực hiện | |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

***Chiều***

**Tiết 7: Thể dục**

**MÔN THỂ THAO TỰ CHỌN.**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức:**

- Ôn một số nội dung môn thể thao tự chọn, học mới tâng cầu bằng mu bàn chân hoặc ném bóng (150g) trúng đích (đích cố định hoặc di chuyển). Yêu cầu thực hiện

cơ bản đúng động tác và nâng cao thành tích.

- Chơi trò chơi: Lăn bóng bằng tay. Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi tương đối chủ động, tích cực.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực thể chất

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất trung thực, phẩm chất chăm chỉ

II. ĐỊA ĐIỂM - PHƯƠNG TIỆN:

- Địa điểm: Trên sân trường

- Phương tiện: Chuẩn bị dụng cụ cho trò chơi và cầu đá, bóng.

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Định lượng** | **Phương pháp - tổ chức** |
| ***A. Phần mở đầu:***  *a) Nhận lớp phổ biến nội dung, yêu cầu.*  *b) Khởi động:*  - Chạy nhẹ nhàng xung quanh sân.  - Ôn đội hình đội ngũ.  - Xoay các khớp.  ***B. Phần cơ bản:***  ***a) Môn thể thao tự chọn:*** Đá cầu  - Học tâng cầu bằng mu bàn chân:  + Nêu tên động tác  + GV làm mẫu, giải thích động tác-cán sự làm mẫu.  - Ôn chuyền cầu bằng mu bàn chân:  + Nêu tên động tác.  + 1 nhóm làm mẫu.  + HS nhắc lại những điểm cơ bản của động tác.  ***2. Chơi trò chơi: “Lăn bóng bằng tay”***  - HS nêu tên trò chơi và quy định chơi.  - HS tham gia chơi.  ***C. Phần kết thúc:***  - Đứng tại chỗ thả lỏng  - Hệ thống lại bài  - Giáo viên nhận xét, giao bài tập về nhà. | **6 - 8’**  1 - 2’  4 - 6’  **18 – 22’**  8-10’  10- 12’  **3 – 5’** | GV  🚹🚹🛊🛉🚹🚹  🚺🚹🛊🛉🚺🚹  🚹🚹🛊🛉🚹🚹  GV  🚹🚺🚹🛊🚹🛊  🛉🚺🚹🚹🚹🛊  🚹🚺🚹🛊🚹🛊  🚹🚺🚹🛊🚹🛊  GV  🚹🚹🛊🛉🚹🚹  🚺🚹🛊🛉🚺🚹  🚹🚹🛊🛉🚹🚹  🚹🚹🛊🛉🚹🚹  GV  🚹🚹🛊🛉🚹🚹  🚺🚹🛊🛉🚺🚹  🚹🚹🛊🛉🚹🚹 |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Thứ Sáu ngày 3 tháng 5 năm 2024**

***Sáng***

**Tiết 2: Toán**

**LUYỆN TẬP**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

**-** Nắm được cách giải một số dạng toán đã học.

- Biết giải một số bài toán có dạng đã học.

- HS làm bài 1, bài 2, bài 3.

***2. Năng lực:***

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy soi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)**  - Cho HS hát  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Biết giải một số bài toán có dạng đã học.  - HS làm bài 1, bài 2, bài 3.  *\* Cách tiến hành:* | - HS hát  - HS ghi vở | |
| **Bài 1: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu của đề bài, chia sẻ yêu cầu của bài  + Tứ giác ABCD gồm những hình nào ?  + Bài thuộc dạng toán gì ?  - Yêu cầu HS làm bài  - GV soi bài nhận xét chốt lời giải đúng  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - HS đọc yêu cầu của đề bài  - Bài thuộc dạng toán gì ?  - Yêu cầu HS làm bài  - GV soi bài nhận xét chốt lời giải đúng  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - HS đọc yêu cầu của đề bài  - Bài thuộc dạng toán gì ?  - Yêu cầu HS làm bài  - GV soi bài nhận xét chốt lời giải đúng  **Bài tập chờ**  **Bài 4: HĐ cá nhân**  - Cho HS đọc bài, tìm cách giải sau đó làm bài và chia sẻ trước lớp.  - GV quan sát, giúp đỡ nếu thấy cần thiết. | | - Cả lớp theo dõi, chia sẻ yêu cầu  + Tứ giác ABCD gồm tứ giác ABED và tam giác BEC  + Tìm hai số biết hiệu và tỉ số của hai số đó  - Cả lớp làm vở  - 1 HS làm bảng lớp, chia sẻ kết quả  Bài giải  Theo đề bài ta có sơ đồ    Diện tích tam giác BEC là :  13,6 : ( 3- 2 ) x 2 = 27,2 (cm2)  Diện tích hình tứ giác ABED là :  27,2 + 13,6 = 40,8 (cm2)  Diện tích hình tứ giác ABCD là :  27,2 + 40,8 = 68 (cm2)  Đáp số : 68 cm2  - 1 HS đọc  - Tìm hai số biết tổng và tỉ số của hai số đó  - Cả lớp làm vở  - 1 HS làm bảng lớp, chia sẻ  Bài giải  Theo đề bài ta có sơ đồ    Lớp học đó có số học sinh nam là :  35 : ( 3 + 4 ) x 3 = 15 (em)  Lớp học đó có số học sinh nữ là :  35 – 15 = 20 (em)  Số học sinh nữ hơn số học sinh nam là :  20 -15 = 5 (em)  Đáp số : 5 em  - 1 HS đọc  - Bài toán về quan hệ tỉ lệ  - Cả lớp làm vở  - 1 HS làm bảng lớp, chia sẻ kết quả  Bài giải  Ô tô đi 75 km tiêu thụ hết số lít xăng là:  12 : 100 x 75 = 9 (l)  Đáp số: 9 lít  - HS làm bài, chia sẻ kết quả.  Bài giải  Tỉ số phần trăm HS khá của trường Thắng Lợi là:  100% - 25% = 60%  Mà 60% học sinh khá là 120 học sinh.  Số học sinh khối lớp 5 của trường là:  120 : 60 x 100 = 200(học sinh)  Số học sinh giỏi là:  200 : 100 x 25 = 50(học sinh)  Số học sinh trung bình là:  200 : 100 x 15 = 30(học sinh) |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)**  - Cho HS nêu lại cách giải bài toán Tìm hai số khi biết Tổng(hiệu) và tỉ số của hai số đó.  - Về nhà tìm giải các bài toán dạng toán  Tìm hai số khi biết Tổng(hiệu) và tỉ số của hai số đó. | | - HS nêu  - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 3: Tập làm văn**

**ÔN TẬP VỀ TẢ NGƯỜI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

**-** Lập được dàn ý một bài văn tả người theo đề bài gợi ý trong SGK.

**-** Trình bày miệng được đoạn văn một cách rõ ràng, rành mạch dựa trên dàn ý đã lập.

**2. Năng lực:**

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: SGK, vở

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Vấn đáp, quan sát, thực hành, thảo luận nhóm, trò chơi…

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** | | |
| - Cho HS thi nhắc lại cấu tạo của một bài văn tả người.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS nhắc lại  - HS nghe  - HS nghe | |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Lập được dàn ý một bài văn tả người theo đề bài gợi ý trong SGK.  - Trình bày miệng được đoạn văn một cách rõ ràng, rành mạch dựa trên dàn ý đã lập.  *\* Cách tiến hành:* | | |
| **Bài 1: HĐ cá nhân**  - Gọi 1 HS đọc nội dung bài tập  ***\**** *Chọn đề bài*  - Hướng dẫn HS phân tích đề và gạch dưới những từ quan trọng  - GV kiểm tra việc HS chuẩn bị trư­ớc ở nhà  - Yêu cầu HS nêu đề bài mình đã chọn  ***\**** *Lập dàn ý*  - Gọi HS đọc gợi ý SGK  - GV nhắc HS một vài lưu ý nhỏ.  - Yêu cầu HS lập dàn ý theo đề bài mình đã chọn  - Trình bày kết quả  - Cả lớp và GV nhận xét, bổ sung, hoàn chỉnh các dàn ý  **Bài 2: HĐ nhóm**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Dựa vào dàn ý đã lập, từng em trình bày miệng bài văn tả ng­ười trong nhóm  - Trình bày trước lớp  - Cho cả lớp trao đổi, thảo luận về cách sắp xếp các phần trong dàn ý, cách trình bày, diễn đạt.  - GV nhận xét, chữa bài | | - HS đọc nội dung bài  - HS phân tích từng đề  - HS nối tiếp nhau nêu  - HS đọc các gợi ý 1, 2 trong SGK  - HS dựa theo gợi ý 1, viết nhanh dàn ý bài văn  - HS trình bày kết quả:  \* Ví dụ: *Dàn ý bài văn miêu tả cô giáo*  *1, Mở bài:*  Năm nay em đã học lớp 5. Em vẫn nhớ mãi về cô Hương. Cô giáo đã dạy em hồi lớp 1  *2, Thân bài*  - Cô Hương còn rất trẻ  - Dáng người cô tròn lẳn  - Làn tóc mượt xoã ngang lưng  - Khuôn mặt tròn, trắng hồng  - Đôi mắt to, đen lay láy thật ấn tượng  - Mỗi khi cô cười để lộ hàm răng trắng ngà  - Giọng nói của cô ngọt ngào dễ nghe  - Cô kể chuyện rất hay  - Cô luôn uốn nắn cho chúng em từng nét chữ  - Cô chăm sóc chúng em từng bữa ăn giấc ngủ.  *3, Kết bài*  - Em rất yêu mến cô. Em tự hứa với lòng mình sẽ ngoan ngoãn, học hành chăm chỉ để đền đáp công ơn dạy dỗ của cô.  - Tập nói theo dàn ý đã lập  - Tập trình bày trong nhóm  - Đại diện nhóm thi trình bày. |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nhiệm:(3 phút)** | | |
| - Cho HS nhắc lại cách viết 1 bài văn tả người. | | - HS nhắc lại |
| - GV nhận xét tiết học.  - Dặn những HS viết dàn ý chưa đạt về nhà sửa lại để chuẩn bị viết hoàn chỉnh bài văn tả người trong tiết TLV sau. | | - HS nghe  - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 4: Luyện từ và câu**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: TRẺ EM**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

**-** Biết và hiểu thêm một số từ ngữ về trẻ em (BT1, BT2).

**-** Hiểu nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ nêu ở BT4.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Tôn trọng và bảo vệ trẻ em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)**  - Cho HS Nêu tác dụng của dấu 2 chấm, lấy ví dụ minh hoạ.  - GV nhận xét, đánh giá.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Biết và hiểu thêm một số từ ngữ về trẻ em (BT1, BT2).  -Hiểu nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ nêu ở BT4.  *\* Cách tiến hành:* | | |
| **Bài 1: HĐ cặp đôi**  - 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS làm bài theo cặp  - Trình bày kết quả  - GV nhận xét chữa bài. Yêu cầu HS giải thích tại sao ?  **Bài 2: HĐ nhóm**  - 1 HS đọc yêu cầu của bài tập.  - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 4: HĐ cá nhân**  - 1 HS đọc yêu cầu của bài tập  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân.  - GV nhận xét chữa bài  **Bài tập chờ**  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - GV cho HS đọc yêu cầu của bài, lamg bài  - GV gợi ý để HS tìm ra, tạo được những hình ảnh so sánh đúng và đẹp về trẻ em. VD: so sánh để thấy nổi bật những đặc điểm thể hiện vẻ đẹp của hình dáng, tính tình, tâm hồn…  **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)**  - Cho HS tìm những từ ngữ nói về đặc điểm tính cách của trẻ em  - GV nhận xét tiết học, biểu d­ương những HS học tốt  - Dặn HS nhớ lại kiến thức về dấu ngoặc kép để chuẩn bị học bài “*Ôn tập về dấu ngoặc kép”*. | | - Em hiểu nghĩa của từ trẻ em như thế nào ? Chọn ý đúng nhất:  - HS làm bài theo cặp  - HS trình bày kết quả.  *c. Ng­ười dư­ới 16 tuổi.*  - Tìm các từ đồng nghĩa với *trẻ em*. Đặt câu với một từ mà em tìm được  - HS làm việc theo nhóm  + trẻ, trẻ con, con trẻ.  + trẻ thơ, thiếu nhi, nhi đồng,…….  + con nít, trẻ ranh, ranh con, nhãi ranh,….  - HS đặt câu:  VD: Trẻ con thời nay rất thông minh.  - Chọn thành ngữ, tục ngữ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống  - HS làm bài vào vở, 4 HS làm bảng lớp, chia sẻ kết quả   1. Tre già măng mọc: Lớp tr­ước già đi có lớp sau thay thế. 2. Tre non dễ uốn: Dạy trẻ từ lúc còn nhỏ dễ hơn. 3. Trẻ ng­ười non dạ: Còn ngây thơ dại dột chư­a biết suy nghĩ chín chắn. 4. Trẻ lên ba, cả nhà học nói: Trẻ lên ba đang học nói khiến cả nhà vui vẻ nói theo.   - HS đọc bài, làm bài, báo cáo kết quả với giáo viên  *Trẻ em như tờ giấy trắng.*  🡪 So sánh để làm nổi bật vẻ ngây thơ, trong trắng.  *Trẻ em như nụ hoa mới nở.*  *Đứa trẻ đẹp như bông hồng buổi sớm.*  🡪 So sánh để làm nổi bật sự tươi đẹp.  *Lũ trẻ ríu rít như bầy chim non.*  🡪 So sánh để làm nổi bật tính vui vẻ, hồn nhiên.  *Cô bé trông giống hệt bà cụ non.*  🡪 So sánh để làm rõ vẻ đáng yêu của đứa trẻ thích học làm người lớn.  *Trẻ em là tương lai của đất nước.*  *Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai…*  🡪 So sánh để làm rõ vai trò của trẻ em trong xã hội.  - HS nêu: hồn nhiên, ngây thơ, tinh nghịch, ...  - HS nghe  - HS nghe và thực hiện |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Thứ Bảy ngày 4 tháng 5 năm 2024**

***Sáng***

**Tiết 2: Toán**

**LUYỆN TẬP**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

**-** Nắm được cách giải cácbài toán có nội dung hình học.

- Biết giải bài toán có nội dung hình học.

- HS làm bài 1, bài 3(a, b).

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy soi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)**  - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Truyền điện" nêu cách tính diện tích các hình đã học.(mỗi HS nêu cách tính 1 hình)  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Biết giải bài toán có nội dung hình học.  - HS làm bài 1, bài 3(a, b).  *\* Cách tiến hành:* | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **Bài 1: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc đề bài, phân tích đề:  + Biết số tiền của 1 viên gạch, để tính được số tiền mua gạch ta cần biết gì?  + Để tìm được số viên gạch cần biết gì?  - Yêu cầu HS thực hiện  + Tính chiều rộng nền nhà.  + Tính diện tích nền nhà.  + Tính diện tích một viên gạch.  + Tính số viên gạch.  + Tính số tiền mua gạch.  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét chữa bài  - Chốt : GV yêu cầu HS nêu cách tính diện tích hình chữ nhật và diện tích hình vuông.  **Bài 3 (a, b): HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Cho HS đọc đề bài  - HS tự phân tích đề và làm bài  - GV quan sát, hướng dẫn nếu cần thiết  - Gv soi bài KL  **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)**  - Về nhà tính diện tích nền nhà em và tính xem dùng hết bao nhiêu viên gạch.  - Nhận xét tiết học.  - Dặn HS ôn lại công tính chu vi, diện tích một số hình đã học. | | - HS đọc đề bài.  - Biết số viên gạch  - Biết diện tích nền nhà và diện tích 1 viên gạch  - Cả lớp làm vở  - 1 HS lên bảng làm bài, chia sẻ  Bài giải  Chiều rộng nền nhà là  8 x  = 6 ( m)  Diện tích nền nhà là  8 x 6 = 48 ( m2) hay 4800 dm2  Diện tích một viên gạch là  4 x 4 = 16 ( dm2)  Số viên gạch dùng để lát nền là  4800 : 16 = 300 ( viên)  Số tiền để mua gạch là  20 000 x 300 = 6 000 000 ( đồng )  Đáp số 6 000 000 đồng.  - HS đọc đề bài.  - Cả lớp làm vở  - 1 HS lên bảng làm bài, chia sẻ kết quả  Bài giải  a) Chu vi hình chữ nhật ABCD là:  (84 + 28) x 2 = 224 (m)  b) Diện tích hình thang EBCD là:  (28 + 84) x 28 : 2 = 1568(m2)  Đáp số: a) 224m  b) 1568 m2  - HS đọc đề  - HS phân tích đề và tự làm bài báo cáo kết quả với giáo viên  Bài giải  a) Cạnh mảnh đất hình vuông là:  96 : 2 = 24(m)  Diện tích mảnh đất hình vuông(hay diện tích mảnh đất hình thang) là:  24 x 24 = 576(m2)  Chiều cao mảnh đất hình thang là:  576 : 36 = 16(m)  b) Tổng hai đáy hình thang là:  36 x 2 = 72(m)  Độ dài đáy lớn hình thang là:  (72 + 10) : 2 = 41(m)  Độ dài đáy bé hình thang là:  72 - 41 = 31(m)  Đáp số: a) Chiều cao: 16m  b) Đáy lớn: 41m  Đáy bé: 31m  - HS nghe và thực hiện  - HS nghe  - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 4: Kể chuyện**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

**-** Hiểu nội dung và biết trao đổi về ý nghĩa câu chuyện .

**-** Kể được một câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về việc gia đình, nhà trường, xã hội chăm sóc, giáo dục trẻ em, hoặc trẻ em với việc thực hiện bổn phận với gia đình, nhà trường và xã hội.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Yêu thích kể chuyên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: + Tranh minh hoạ về cha, mẹ, thầy cô giáo, ng­ười lớn chăm sóc trẻ em; tranh ảnh trẻ em giúp đỡ cha mẹ, trẻ em chăm chỉ học tập, trẻ em giúp đỡ mọi ngư­ời.

+ Sách, truyện, tạp chí có đăng các câu chuyện về trẻ em làm việc tốt, ng­ười lớn chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- HS: SGK, vở, câu chuyện đã chuẩn bị

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:** (3’)  + Cho HS thi kể lại câu chuyện ***Nhà vô địch***  + Nêu ý nghĩa câu chuyện.  + GV nhận xét, đánh giá.  - GV nêu mục đích, yêu cầu của tiết học; giới thiệu : Sách , truyện , tạp chí có đăng các câu chuyện về trẻ em làm việc tốt, ng­ười lớn chăm sóc và giáo dục trẻ em. | - HS lên bảng thi kể lại câu chuyện ***Nhà vô địch***  - Nêu ý nghĩa câu chuyện.  + HS khác nhận xét.  - HS nhe |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:** (8’)  *\* Mục tiêu:* Chọn được câu chuyện đã nghe, đã đọc về việc gia đình, nhà trường, xã hội chăm sóc, giáo dục trẻ em, hoặc trẻ em với việc thực hiện bổn phận với gia đình, nhà trường và xã hội.  *\* Cách tiến hành:* | |
| ***-***Gọi HS đọc đề bài  - H­ướng dẫn HS phân tích đề bài.  -Yêu cầu HS đọc gợi ý của bài  -Chuyện nói về việc gia đình, nhà trường, xã hội chăm sóc và giáo dục trẻ em là những câu chuyện nào?  - Chuyện trẻ em thực hiện bổn phận với gia đình, nhà tr­ường và xã hội là những câu chuyện nào?  - Tìm câu chuyện ở đâu?  - Cách kể chuyện như thế nào?  - Yêu cầu HS giới thiệu câu chuyện mình định kể | - 1 HS đọc đề bài.  - 4 HS nối tiếp nhau đọc 4 gợi ý  - HS nêu  - HS nêu  - Được nghe kể, đã được đọc  - HS tiếp nối nhau giới thiệu nói tên câu chuyện chọn kể. |
| **3. Hoạt động thực hành kể chuyện:(23 phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Kể được một câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về việc gia đình, nhà trường, xã hội chăm sóc, giáo dục trẻ em, hoặc trẻ em với việc thực hiện bổn phận với gia đình, nhà trường và xã hội.  - Hiểu nội dung và biết trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.  *\* Cách tiến hành:* | |
| - Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi  - Thi kể trước lớp  - Cho HS bình chọn người kể hay nhất  - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện  - Nhận xét.  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm** (4’)  - Yêu cầu HS thực hiên bổn phận với gia đình, nhà trường và xã hội.  - Dặn HS về nhà kể lại câu chuyện vừa kể ở lớp cho người thân; cả lớp đọc trước đề bài, gợi ý của tiết *KC đã chứng kiến hoặc tham gia* ở tuần 34. | - HS kể theo cặp  - Thi kể chuyện trước lớp  - Bình chọn bạn kể chuyện tự nhiên nhất, bạn có câu hỏi hay nhất, bạn có câu chuyện hay nhất.  - Trao đổi và nói ý nghĩa câu chuyện mình kể.  - HS nghe và thực hiện  - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Chiều**

**Tiết 5: Luyện từ và câu**

**ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU (Dấu ngoặc kép)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

**-** Nêu được tác dụng của dấu ngoặc kép và làm được bài tập thực hành về dấu ngoặc kép.

**-** Viết được đoạn văn khoảng 5 câu có dùng dấu ngoặc kép (BT3).

- Giảm bớt nội dung bài tập, chuyển thành bài tập viết câu, đoạn.

**2. Năng lực:**

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:**Cẩn thận, tỉ mỉ, sử dụng đúng các dấu câu khi viết.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ viết nội dung cần ghi nhớ về tác dụng của dấu ngoặc kép.

- Máy tính

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** | | |
| - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Gọi thuyền" với nội dung là nêu các dấu câu đã học, nêu tác dụng của mỗi dấu câu(Mỗi bạn chỉ nêu 1 dấu câu).  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Nêu được tác dụng của dấu ngoặc kép và làm được bài tập thực hành về dấu ngoặc kép.  - Viết được đoạn văn khoảng 5 câu có dùng dấu ngoặc kép (BT3).  *\* Cách tiến hành:* | | |
| **Bài 1: HĐ cá nhan**  - 1 HS đọc yêu cầu của bài.  - HS nhắc lại tác dụng của dấu ngoặc kép.  - Yêu cầu HS đọc thầm từng câu văn và làm bài  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 2: HĐ cặp đôi**  - 1 HS đọc yêu cầu của bài tập.  - HS trao đổi theo cặp và làm bài.  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 3: HĐ nhóm**  - 1 HS đọc yêu cầu của bài tập.  - HS suy nghĩ làm bài  - Trình bày kết quả  - GV nhận xét chữa bài  - Yêu cầu HS dưới lớp trình bày  - GV nhận xét | | - Cả lớp theo dõi  - Dấu ngặc kép thường được dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc của người nào đó. Nếu lời nói trực tiếp là một câu trọn vẹn hay một đoạn văn thì trước dấu ngoặc kép ta phải thêm dấu hai chấm.  - Dấu ngoặc kép còn được dùng để đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.  Lời giải:  Tốt- tô- chan rất yêu quý thầy hiệu trư­ởng. Em mơ ­ước lớn lên sẽ trở thành một giáo viên của tr­ường, làm mọi việc giúp đỡ thầy. Em nghĩ : “ Phải nói ngay điều này để thầy biết ”. Thế là, trư­a ấy, sau buổi học, em chờ sẵn thầy tr­ước phòng họp và xin gặp thầy. Thầy hiệu tr­ưởng vui vẻ mời em vào phòng. Ngồi đối diện với thầy và hơi nghiêng đầu mỉm cư­ời, cô bé nói một cách chậm rãi, dịu dàng, ra vẻ người lớn: “ Th­ưa thầy, sau này lớn lên, em muốn làm nghề dạy học. Em sẽ học ở trường này”.  - Cả lớp theo dõi  - HS làm bài theo cặp  Lời giải:  Lớp chúng tôi tổ chức một cuộc bình chọn “ Ng­ười giàu có nhất ”. Đoạt danh hiệu trong cuộc thi này là cậu Long, bạn thân nhất của tôi. Cậu ta có cả một “ gia tài ” khổng lồ về các loại sách: sách bách khoa tri thức học sinh, từ điển tiếng Anh, sách bài tập toán và tiếng Việt, sách dạy chơi cờ vua, sách dạy tập y- ô- ga, sách dạy chơi đàn oóc,…..  - Cả lớp theo dõi  - 2 HS làm vào bảng nhóm, cả lớp viết vào vở  - 2 HS làm bảng nhóm đọc bài làm của mình, chia sẻ kết quả với cả lớp  - 3 HS trình bày |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)** | | |
| - Cho HS nhắc lại tác dụng của dấu hai chấm. | | - HS nêu |
| - GV nhận xét về tiết học.  - Dặn HS ghi nhớ tác dụng của dấu ngoặc kép để sử dụng cho đúng khi viết bài. | | - HS nghe  - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 6: Toán**

**ÔN TẬP VỀ BIỂU ĐỒ**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

**-**  Biết đọc số liệu trên biểu đồ, bổ sung tư liệu trong một bảng thống kê số liệu.

- Rèn kĩ năngđọc số liệu trên biểu đồ, bổ sung tư liệu trong một bảng thống kê số liệu.

- HS làm bài 1, bài 2a, bài 3.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Các biểu đồ, bảng số liệu như trong SGK, máy soi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)**  - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với các câu hỏi sau:  + Nêu tên các dạng biểu đồ đã học?  + Biểu đồ dùng để làm gì ?  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  + Biểu đồ dạng tranh; dạng hình cột, dạng hình quạt.  + Biểu diễn tương quan về số lượng giữa các đối tượng hiện thực nào đó.  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)**  *\* Mục tiêu:*  *- Biết đọc số liệu trên biểu đồ, bổ sung tư liệu trong một bảng thống kê số liệu.*  - HS làm bài 1, bài 2a, bài 3.  *\* Cách tiến hành:* | | |
| **Bài 1: HĐ cặp đôi**  - GV yêu cầu HS quan sát biểu đồ trong SGK và hỏi nhau:  + Biểu đồ có dạng hình gì ? Cho ta biết điều gì ?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi : đọc biểu đồ  - Trình bày kết quả  - GV nhận xét chữa bài  **Bài tập 2a: HĐ cá nhân**  - HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân  - GV nhận xét chữa bài  **Bài tập 3: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét chữa bài  - Tại sao em chọn ý C  - Đây là dạng biểu đồ nào ? | | - HS quan sát  + Biểu đồ hình cột; cho biết số cây xanh do từng thành viên trong nhóm cây xanh trồng ở vườn trường.  - HS thảo luận, đưa ra kết quả :  a) Có 5 học sinh trồng cây.  + Lan trồng được 3 cây.  + Hòa trồng được 2 cây.  + Liên trồng được 5 cây.  + Mai trồng được 8 cây.  + Lan trồng được 4 cây.  b) Hòa trồng được ít cây nhất: 2 cây.  c) Mai trồng được nhiều cây nhất: 8 cây.  d) Liên và Mai trồng được nhiều cây hơn bạn Dũng.  e) Lan, Hòa, Dũng trồng được ít cây hơn bạn Liên.  - Cả lớp theo dõi  - HS tự giải,  -1 HS lên bảng làm bài, chia sẻ  - Đáp án: a) 16  - HS nêu  - HS làm việc cá nhân  - Nêu đáp án chọn. C  - HS giải thích đáp án chọn.  - Biểu đồ hình quạt thường để biểu diễn quan hệ số lượng theo các tỉ số phần trăm. |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)**  - Những loại biểu đồ nào được dùng phổ biến ?  - Vận dụng vẽ biểu đồ dạng hình cột và hình quạt trong thực tế cuộc sống. | | - Biểu đồ dạng hình cột và biểu đồ dạng hình quạt.  - HS nghe và thực hiện. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Kí duyệt của**  **Tổ Chuyên môn**  **Trần Thị Ánh Tuyết** | *Vĩnh An*, ngày 24 tháng 4 năm 2024  **Người thực hiện**    **Phạm Thị Hải Yến** |